

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật**

Học kỳ: 1

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A01

Ngày thi : 12/01/2026

Giờ thi: 9.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	25TQ1B_01	Nguyễn Đức An						
2	002	25TQ1E_01	Trần Bình An						
3	003	25TQ1D_01	Trần Quốc An						
4	004	25TQ1A_01	Võ Nguyễn Trường An						
5	005	25TQ1E_02	Dương Quốc Anh						
6	006	25TQ1B_02	Hoàng Ngọc Anh						
7	007	25TQ1D_03	Lê Tuấn Anh						
8	008	25TQ1D_02	Lê Tuấn Anh						
9	009	25TQ1B_03	Nguyễn Đức Anh						
10	010	25TQ1B_04	Nguyễn Quốc Anh						
11	011	25TQ1A_02	Nguyễn Quốc Anh						
12	012	25TQ1D_04	Nguyễn Trung Anh						
13	013	25TQ1B_05	Trần Đức Anh						
14	014	25TQ1A_04	Trần Xuân Bắc						
15	015	25TQ1D_05	Bùi Dương Công Bảo						
16	016	25TQ1E_03	Bùi Thiên Bảo						
17	017	25TQ1F_02	Nguyễn Đào Chí Bảo						
18	018	25TQ1E_04	Nguyễn Đức Huy Bảo						
19	019	25TQ1A_03	Nguyễn Phan Gia Bảo						
20	020	25TQ1E_06	Nguyễn Thanh Gia Bảo						
21	021	25TQ1E_07	Phạm Hoàng Gia Bảo						
22	022	25TQ1D_06	Đinh Phạm Thanh Bình						
23	023	25TQ1F_03	Nguyễn Nhật Chương						
24	024	25TQ1B_07	Lương Thành Công						
25	025	25TQ1B_08	Huỳnh Thế Cường						
26	026	25TQ1B_09	Lại Quốc Cường						
27	027	25TQ1D_07	Nguyễn Chí Cường						
28	028	25TQ1A_05	Trần Chí Cường						
29	029	25TQ1D_08	Võ Duy Cường						
30	030	25TQ1B_15	Đặng Ánh Đăng						
31	031	25TQ1C_06	Nguyễn Nhật Đăng						
32	032	25TQ1C_07	Trần Tấn Đăng						

Tổng số: **32**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt:

Số bài thi:

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật**

Học kỳ: 1

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A02

Ngày thi : 12/01/2026

Giờ thi: 9.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	033	25TQ1D_09	Huỳnh Thanh Danh						
2	034	25TQ1B_10	Nguyễn Thành Danh						
3	035	25TQ1B_13	Nguyễn Hữu Tấn Đạt						
4	036	25TQ1B_14	Nguyễn Thành Đạt						
5	037	25TQ1E_10	Thạch Bune Davy						
6	038	25TQ1F_09	Nguyễn Lê Phú Điền						
7	039	25TQ1D_12	Lê Phạm Công Dự						
8	040	25TQ1B_16	Nguyễn Huy Đức						
9	041	25TQ1B_11	Nay Dung						
10	042	25TQ1C_03	Nguyễn Tiến Dũng						
11	043	25TQ1E_11	Nguyễn Thành Được						
12	044	25TQ1C_04	Huỳnh Phong Dương						
13	045	25TQ1C_05	Nguyễn Danh Dương						
14	046	25TQ1B_12	Phùng Dương						
15	047	25TQ1E_08	Cao Nhật Duy						
16	048	25TQ1F_04	Lê Ngọc Duy						
17	049	25TQ1D_10	Nguyễn Bảo Duy						
18	050	25TQ1E_09	Nguyễn Hà Duy						
19	051	25TQ1A_06	Nguyễn Nhật Duy						
20	052	25TQ1F_05	Nguyễn Trúc Duy						
21	053	25TQ1F_06	Phạm Đặng Khánh Duy						
22	054	25TQ1D_11	Phạm Khánh Duy						
23	055	25TQ1F_07	Phạm Thanh Hoài Duy						
24	056	25TQ1F_08	Phạm Trần Nhật Duy						
25	057	25TQ1A_56	Nguyễn Đình Hào						
26	058	25TQ1F_10	Nguyễn Minh Hào						
27	059	25TQ1F_11	Nguyễn Nhật Hào						
28	060	25TQ1D_13	Phan Nhật Hào						
29	061	25TQ1E_12	Trương Nhật Hào						
30	062	25TQ1B_17	Võ Anh Hào						
31	063	25TQ1F_12	Lê Văn Hào						
32	064	25TQ1A_08	Phạm Phúc Hậu						

Tổng số: **32**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt:

Số bài thi:

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật**

Học kỳ: 1

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A04

Ngày thi : 12/01/2026

Giờ thi: 9.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	065	25TQ1D_14	Phan Minh Hiền						
2	066	25TQ1E_13	Lê Chí Hiếu						
3	067	25TQ1E_14	Phan Hoàng Chí Hiếu						
4	068	25TQ1B_19	Lê Văn Nhựt Hòa						
5	069	25TQ1D_15	Nguyễn Tiến Hoài						
6	070	25TQ1E_15	Huỳnh Huy Hoàng						
7	071	25TQ1A_55	Lê Minh Hoàng						
8	072	25TQ1B_18	Thái Huy Hoàng						
9	073	25TQ1A_09	Lê Ngọc Huân						
10	074	25TQ1B_23	Đào Duy Hùng						
11	075	25TQ1E_19	Hà Hoàng Hưng						
12	076	25TQ1C_08	Huỳnh Lê Xuân Huy						
13	077	25TQ1B_21	Lâm Trần Hoàng Huy						
14	078	25TQ1E_16	Nguyễn Khắc Huy						
15	079	25TQ1C_09	Tăng Gia Huy						
16	080	25TQ1E_17	Đặng Hoàng Huỳnh						
17	081	25TQ1B_22	Lý Huỳnh						
18	082	25TQ1E_18	Nguyễn Khánh Huỳnh						
19	083	25TQ1A_10	Bạch Hoàng Kha						
20	084	25TQ1A_11	Đào Minh Kha						
21	085	25TQ1B_24	Đỗ Văn Kha						
22	086	25TQ1F_13	Nguyễn Vũ Kha						
23	087	25TQ1F_14	Trần Nguyên Kha						
24	088	25TQ1C_11	Bùi Minh Khải						
25	089	25TQ1D_16	Hứa Vỹ Khang						
26	090	25TQ1D_17	Lê Trần Nguyên Khang						
27	091	25TQ1B_25	Nguyễn Công Khang						
28	092	25TQ1B_26	Nguyễn Doãn Hữu Khang						
29	093	25TQ1D_18	Nguyễn Phúc Khang						
30	094	25TQ1E_20	Nguyễn Tuấn Khang						
31	095	25TQ1C_10	Nguyễn Văn Khang						
32	096	25TQ1F_15	Nguyễn Văn Vịnh Khang						

Tổng số: **32**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt:

Số bài thi:

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật**

Học kỳ: 1

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A06

Ngày thi : 12/01/2026

Giờ thi: 9.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	152	25TQ1B_31	Võ Đình Nguyễn						
2	153	25TQ1C_25	Nguyễn Chí Nguyễn						
3	154	25TQ1C_26	Đoàn Thanh Nhã						
4	155	25TQ1E_30	Lê Chí Nhân						
5	156	25TQ1A_25	Lê Nguyễn Hoàng Nhân						
6	157	25TQ1C_27	Nguyễn Hoàng Nhân						
7	158	25TQ1C_56	Nguyễn Ngọc Nhân						
8	159	25TQ1E_31	Nguyễn Thiện Nhân						
9	160	25TQ1B_32	Võ Phạm Trọng Nhân						
10	161	25TQ1F_25	Huỳnh Bá Nhân						
11	162	25TQ1F_26	Lâm Hữu Phát						
12	163	25TQ1F_27	Nguyễn Tấn Phát						
13	164	25TQ1D_30	Phan Thành Phát						
14	165	25TQ1D_31	Trương Đại Phát						
15	166	25TQ1D_32	Diệp Hoài Phong						
16	167	25TQ1A_27	Lưu Chấn Phong						
17	168	25TQ1A_28	Nguyễn Thế Phong						
18	169	25TQ1B_33	Trần Chí Phong						
19	170	25TQ1C_29	Trần Đình Phong						
20	171	25TQ1E_32	Dương Gia Phú						
21	172	25TQ1C_30	Hồ Huỳnh Gia Phú						
22	173	25TQ1C_31	Trần Hồ Ngọc Phú						
23	174	25TQ1C_32	Đông Lưu Bảo Phúc						
24	175	25TQ1E_33	Hồ Hoàng Phúc						
25	176	25TQ1F_28	La Trần Gia Phúc						
26	177	25TQ1B_34	Nguyễn Hoàng Giao Phúc						
27	178	25TQ1C_33	Nguyễn Nhật Phúc						
28	179	25TQ1D_33	Lữ Minh Quân						
29	180	25TQ1F_29	Nguyễn Cao Quân						
30	181	25TQ1A_32	Nguyễn Minh Quân						

Tổng số: **30**

Số sinh viên có mặt:

Số sinh vắng mặt:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật**

Học kỳ: 1

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A07

Ngày thi : 12/01/2026

Giờ thi: 9.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	182	25TQ1F_30	Trần Minh Quân						
2	183	25TQ1C_34	Văn Việt Quân						
3	184	25TQ1D_34	Võ Minh Quân						
4	185	25TQ1E_34	Hoàng Đăng Quang						
5	186	25TQ1A_31	Lâm Nhật Quang						
6	187	25TQ1B_35	Nguyễn Ngọc Quý						
7	188	25TQ1B_36	Dương Hoàng Quý Quốc						
8	189	25TQ1A_33	Đỗ Trọng Quý						
9	190	25TQ1E_35	Thạch Lưu Minh Quyền						
10	191	25TQ1C_35	Dương Bình Sang						
11	192	25TQ1D_35	Nguyễn Hồ Hoài Sang						
12	193	25TQ1D_36	Nguyễn Thái Sang						
13	194	25TQ1C_36	Nguyễn Thanh Sang						
14	195	25TQ1B_37	Huỳnh Nguyễn Thái Sơn						
15	196	25TQ1B_38	Nguyễn Thanh Sơn						
16	197	25TQ1A_34	Hồ Lê Tuấn Tài						
17	198	25TQ1F_31	Nguyễn Hữu Tài						
18	199	25TQ1A_35	Phạm Tấn Tài						
19	200	25TQ1B_39	Trần Phan Đức Tài						
20	201	25TQ1C_37	Trần Tấn Tài						
21	202	25TQ1A_36	Trần Tiến Tài						
22	203	25TQ1D_37	Từ Tấn Tài						
23	204	25TQ1C_38	Huỳnh Minh Tâm						
24	205	25TQ1A_37	Nguyễn Ngọc Tâm						
25	206	25TQ1D_38	Nguyễn Phúc Tân						
26	207	25TQ1F_32	Lê Huỳnh Quang Tấn						
27	208	25TQ1C_40	Nguyễn Gia Thái						
28	209	25TQ1B_43	Nguyễn Phong Thái						
29	210	25TQ1A_38	Phạm Đình Thái						
30	211	25TQ1C_41	Phan Vĩ Thái						
31	212	25TQ1D_39	Trương Minh Quốc Thái						
32	213	25TQ1E_37	Dương Văn Hoàng Thắng						
33	214	25TQ1F_34	Nguyễn Hiếu Thắng						
34	215	25TQ1B_41	Nguyễn Chí Thanh						

35	216	25TQ1B_42	Phạm Chí	Thanh					
36	217	25TQ1E_36	Phạm Nhật	Thanh					
37	218	25TQ1F_33	Đỗ Đạt	Thành					
38	219	25TQ1D_40	Đỗ Tấn	Thành					
39	220	25TQ1A_39	Diệp Thị Trang	Thào					
40	221	25TQ1C_42	Trần Thiện	Thê					
41	222	25TQ1E_38	Nguyễn Nhất	Thiên					
42	223	25TQ1C_43	Nguyễn Trần Phước	Thiên					
43	224	25TQ1A_40	Đặng Đăng	Thiện					
44	225	25TQ1C_44	Ksor	Thing					
45	226	25TQ1C_45	Huỳnh Công	Thịnh					
46	227	25TQ1A_41	Lê Duy	Thịnh					
47	228	25TQ1A_43	Lê Huỳnh Vũ	Thịnh					
48	229	25TQ1F_35	Đặng Huỳnh Anh	Thư					
49	230	25TQ1F_36	Đỗ Duy	Thức					
50	231	25TQ1B_45	Nguyễn Anh	Tiến					
51	232	25TQ1B_46	Châu Kiều Hoài	Tín					
52	233	25TQ1B_47	Trần Hoàng Minh	Tính					
53	234	25CS1A_48T	Nguyễn Phạm Minh	Trí					
54	235	25TQ1F_37	Lê Phát	Triển					
55	236	25TQ1F_38	Hà Công	Trọng					

Tổng số: **55**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt:

Số bài thi:

Số sinh vắng mặt:

Số tờ giấy thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

Duyệt
Trưởng khoa

Thư ký khoa

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật**
Khóa học : TC2025
Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm
Ngày thi : 12/01/2026

Học kỳ: 1
Năm học: 2025
Phòng thi: Phòng C04
Giờ thi: 9.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	237	25TQ1A_45	Nguyễn Phú Trọng						
2	238	25TQ1C_49	Võ Thành Trọng						
3	239	25TQ1A_46	Đặng Minh Trung						
4	240	25TQ1B_48	Huỳnh Quốc Trung						
5	241	25TQ1A_47	Đỗ Quang Trường						
6	242	25TQ1D_41	Nguyễn Mạnh Trường						
7	243	25TQ1D_42	Nguyễn Nhật Trường						
8	244	25TQ1B_49	Nguyễn Nhật Trường						
9	245	25TQ1B_50	Nguyễn Trần Nhật Trường						
10	246	25TQ1B_51	Nguyễn Anh Tú						
11	247	25TQ1C_50	Đào Tuấn						
12	248	25TQ1A_48	Nguyễn Huỳnh Anh Tuấn						
13	249	25TQ1D_44	Trần Ngọc Văn						
14	250	25TQ1D_43	Nguyễn Thiên Vạn						
15	251	25TQ1E_39	Dương Gia Vĩ						
16	252	25TQ1F_41	Trần Lê Tuấn Vĩ						
17	253	25TQ1B_52	Nguyễn Quốc Việt						
18	254	25TQ1F_39	Nguyễn Đỗ Thanh Vinh						
19	255	25TQ1C_51	Nguyễn Quốc Vinh						
20	256	25TQ1D_45	Phan Thái Vinh						
21	257	24TQ1A_49	Triệu Cảnh Vinh						
22	258	25TQ1F_40	Võ Quang Vinh						
23	259	25TQ1F_42	Lâm Hoàng Vũ						
24	260	25TQ1A_52	Phạm Hồ Khánh Vũ						
25	261	25TQ1C_52	Nguyễn Thị Thuý Vy						
26	262	25TQ1F_43	Nguyễn Hoàng Triệu Vỹ						
27	263	25TQ1A_53	Quách Bảo Xuyên						
28	264	25TQ1B_54	Võ Tư Ý						

Tổng số: **28**

Số sinh viên có mặt:

Số sinh vắng mặt:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật**

Học kỳ: 1

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A05

Ngày thi : 12/01/2026

Giờ thi: 9.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	097	25TQ1F_16	Võ Duy Khang						
2	098	25TQ1E_21	Võ Duy Khang						
3	099	25TQ1E_22	Nguyễn Việt Kháng						
4	100	25TQ1D_19	Ngô Duy Khanh						
5	101	25TQ1A_12	Nguyễn Duy Khánh						
6	102	25TQ1E_23	Nguyễn Anh Khoa						
7	103	25TQ1E_24	Nguyễn Đức Anh Khoa						
8	104	25TQ1E_25	Nguyễn Ngọc Anh Khoa						
9	105	25TQ1C_54	Thang Minh Khoa						
10	106	25TQ1F_17	Võ Anh Khoa						
11	107	25TQ1A_13	Hồ Đăng Khôi						
12	108	25TQ1D_21	Nguyễn Minh Khôi						
13	109	25TQ1E_26	Vương Nhật Khôi						
14	110	25TQ1A_14	Trần Võ Đăng Khương						
15	111	25TQ1C_13	Nguyễn Trung Kiên						
16	112	25TQ1A_16	Nguyễn Trung Kiên						
17	113	25TQ1A_15	Nguyễn Trung Kiên						
18	114	25TQ1D_22	Chung Gia Kiệt						
19	115	25TQ1C_14	Đoàn Tuấn Kiệt						
20	116	25TQ1E_27	Khru Tuấn Kiệt						
21	117	25TQ1C_15	Lê Anh Kiệt						
22	118	25TQ1D_23	Nguyễn Tuấn Kiệt						
23	119	25TQ1E_28	Ninh Tuấn Kiệt						
24	120	25TQ1B_27	Trần Anh Kiệt						
25	121	25TQ1A_17	Lương Thanh Lâm						
26	122	25TQ1C_16	Nguyễn Thân Lân						
27	123	25TQ1E_29	Vòng Nguyễn Phê Lê						
28	124	25TQ1D_24	Lê Hoàng Lên						
29	125	25TQ1B_28	Nguyễn Xuân Lộc						
30	126	25TQ1D_26	Phùng Xuân Lộc						
31	127	25TQ1F_19	Huỳnh Nguyễn Tấn Lợi						
32	128	25TQ1D_27	Nguyễn Tấn Lợi						
33	129	25TQ1F_18	Lê Huỳnh Long						
34	130	25TQ1D_25	Võ Thành Long						

35	131	25TQ1F_20	Nguyễn Võ Minh	Luân						
36	132	25TQ1B_29	Liêu Huỳnh Lê	Luận						
37	133	25TQ1A_54	Nguyễn Chi	Lượng						
38	134	25TQ1A_18	Lê Thị Ngọc	Mai						
39	135	25TQ1A_19	Chu Lê Trà	Mi						
40	136	25TQ1F_21	Nguyễn Duy	Minh						
41	137	25TQ1C_18	Trần Nhật	Minh						
42	138	25TQ1D_28	Trần Quang	Minh						
43	139	25TQ1C_19	Bùi Văn	Nam						
44	140	25TQ1F_22	Châu Thành	Nam						
45	141	25TQ1C_20	Nguyễn Hoài	Nam						
46	142	25TQ1A_21	Nguyễn Hoàng	Nam						
47	143	25TQ1A_20	Nguyễn Hoàng	Nam						
48	144	25TQ1F_23	Trần Đức	Nam						
49	145	25TQ1A_22	Lê Trọng	Nghĩa						
50	146	25TQ1C_21	Nguyễn Thành	Nghĩa						
51	147	25TQ1C_22	Nguyễn Hồng	Ngoan						
52	148	25TQ1A_23	Nguyễn Minh	Ngọc						
53	149	25TQ1C_23	Đào	Nguyễn						
54	150	25TQ1A_24	Nguyễn Đình	Nguyễn						
55	151	25TQ1D_29	Trần Tuấn	Nguyễn						

Tổng số: **55**

Số sinh viên có mặt:

Số sinh vắng mặt:

Giám thị 1

Duyệt

Trưởng khoa

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Giám thị 2

Thư ký khoa